

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út;

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Kim T, sinh năm: 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tt, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh P, sinh năm: 1977; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 18/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Kim T trình bày:

Bà và ông Phan Thanh P chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 21/6/2011, Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông P không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình và có những lời nói không tôn trọng vợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vào tháng 02 năm 2016 bà T đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn ông P nhưng sau đó bà

đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ. Tuy nhiên từ năm 2016 cho đến nay, bà và ông P đã sống ly thân, ăn uống và ở riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông P không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng ông bà không hàn gắn được. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh P, sinh ngày 17/5/2011, hiện cháu P đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Thanh P trình bày: Ông thống nhất với những lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung. Về mâu thuẫn như bà T trình bày là không đúng, giữa vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng có sống ở nhà gia đình chồng khoảng 08 tháng. Sau đó bà T về nhà mẹ ruột ở, ông P có về ở chung bà T và mở quán làm ăn để lo cho gia đình. Do có mâu thuẫn trong việc làm vườn nên ông có về nhà mẹ ruột ông ở và sinh sống. Từ khi đó cho đến nay thì giữa ông và vợ thường cự cãi nhau nguyên nhân do bà T không cho ông làm vườn và ăn chung. Hiện nay, ông và bà T ăn uống, ở riêng, tiền bạc của ai người nấy sử dụng. Bà T có kêu ông ký tên cho bà T ly hôn thì bà T đồng ý cho ông 20.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T do ông còn thương vợ con, hiện con chung còn nhỏ, ông mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh P sinh ngày 17/5/2011, hiện cháu P đang sống với bà T. Nếu Tòa án xem xét cho ly hôn thì ông P đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng theo ý kiến của con. Ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông P có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Vũ Kim T và ông Phan Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 21/6/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng bà và ông P chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông P không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình và có những lời nói không tôn trọng vợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Từ năm 2016 cho đến nay, bà và ông P đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Ông P không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà T vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông và vợ có cự cãi nhau do bà T không cho ông làm vườn và ăn chung. Hiện nay bà T và ông ăn uống, ở riêng, tiền bạc của ai người nấy sử dụng. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T do ông còn thương vợ con và mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T cương quyết ly hôn với ông P không đồng ý đoàn tụ, ông P thừa nhận do nóng giận nên cũng có những lời nói hăm dọa vợ, ông và bà T thường cự cãi nhau do bà T không cho ông làm vườn và ăn uống chung, hiện ông bà ăn uống và ở riêng, tiền bạc của ai người nấy sử dụng. Mặt khác, vào năm 2016 bà T đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn ông P, sau đó bà đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ theo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2016/QĐST- HNGĐ ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, từ tháng 02/2016 cho đến nay bà T và ông P đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Thời gian ly thân đã lâu mà ông P cũng không đưa ra phương án cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thanh P, sinh ngày 17/5/2011, hiện cháu P đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng theo ý kiến của con, ông P không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Đồng thời, cháu P cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên việc giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Phước.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông P không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Vũ Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vũ Kim T được ly hôn với ông Phan Thanh P.

Về con chung: Giao cháu Phan Thanh P, sinh ngày 17/5/2011 cho bà Vũ Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Phan Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Bà Vũ Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Vũ Kim T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17261 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Kim T, ông Phan Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh